

DÒNG CHẢY
TIỀN HÓA

THE EVOLUTION OF EVERYTHING: HOW NEW IDEAS EMERGE

by Matt Ridley

Copyright © Matt Ridley, 2015

This edition arranged with Felicity Bryan Associates Ltd.

through Andrew Nurnberg Associates International Limited

DÒNG CHẢY TIẾN HÓA:

CÁCH CÁC Ý TƯỞNG MỚI KHỞI PHÁT TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI

Tác giả: Matt Ridley

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2024

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, tay gấp, 2024.

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam – thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị - Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 300 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người và Tủ sách Y sinh. Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng; Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Ridley, Matt

Dòng chảy tiến hoá : Cách các ý tưởng mới khởi phát trong tiến trình lịch sử loài người / Matt Ridley ; Trang Đặng

dịch. - H. : Tri thức ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2024. - 392 tr. ; 24 cm

ISBN 978-604-484-339-1

1. Tiến hoá 2. Khoa học xã hội 3. Công nghệ 4. Lịch sử

303.483 - dc23

TCH0021p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: hoptac@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

MATT RIDLEY

Trang Đăng dịch

DÒNG CHẢY
TIỀN HÓA

CÁCH CÁC Ý TƯỞNG MỚI KHỞI PHÁT
TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương

Điều phối sản xuất: Nguyễn Hương

Biên tập viên: Thảo Nguyên

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Giang Vũ

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



TRÀM ĐỌC

<https://www.facebook.com/tramdocvn>

website: <http://tramdoc.vn/>

Mục lục

Lời mở đầu: Lý thuyết chung về tiến hóa	7
Chương 1 Sự tiến hóa của vũ trụ	13
Chương 2 Sự tiến hóa của đạo đức	29
Chương 3 Sự tiến hóa của sự sống	46
Chương 4 Sự tiến hóa của gen	70
Chương 5 Sự tiến hóa của văn hóa.....	88
Chương 6 Sự tiến hóa của kinh tế.....	110
Chương 7 Sự tiến hóa của công nghệ	134
Chương 8 Sự tiến hóa của tâm trí	158
Chương 9 Sự tiến hóa của nhân cách	174
Chương 10 Sự tiến hóa của giáo dục	194
Chương 11 Sự tiến hóa của dân số.....	215
Chương 12 Sự tiến hóa của thuật lãnh đạo.....	239
Chương 13 Sự tiến hóa của chính quyền	260
Chương 14 Sự tiến hóa của tôn giáo.....	284
Chương 15 Sự tiến hóa của đồng tiền	308
Chương 16 Sự tiến hóa của Internet	333
Lời kết: Sự tiến hóa của tương lai	353
Lời cảm ơn.....	357
Nguồn và tài liệu tham khảo.....	359
Chú thích	377
Mục từ tra cứu.....	379

Lý thuyết chung về tiến hóa

Từ “tiến hóa” (evolution) nguyên gốc có nghĩa là “mở ra”. Tiến hóa là một câu chuyện, một sự tường thuật về cách mọi thứ thay đổi. Từ này cũng mang nhiều ý nghĩa khác, về những kiểu thay đổi cụ thể. Nó ngụ ý về sự xuất hiện của thứ này từ trong thứ khác. Nó dần dần mang nét nghĩa về sự thay đổi theo cách gia tăng và tiệm tiến, trái ngược với sự biến đổi đột ngột. Nó vừa tự phát vừa không thể lay chuyển. Nó gọi nhắc đến sự thay đổi được tích lũy từ những khởi đầu đơn giản. Nó cho thấy sự thay đổi đến từ bên trong, thay vì chịu định hướng từ bên ngoài. Nó cũng thường ám chỉ sự thay đổi không có mục đích, nhưng sự thay đổi ấy không hạn chế về kết cục. Và tất nhiên nó đã được gán cho ý nghĩa rất cụ thể về nguồn gốc di truyền, với sự biến đổi qua nhiều thế hệ, ở các sinh vật thông qua cơ chế chọn lọc tự nhiên.

Cuốn sách này lập luận rằng sự tiến hóa đang diễn ra xung quanh chúng ta. Đó là cách tốt nhất để hiểu phương thức mà thế giới loài người cũng như thế giới tự nhiên thay đổi. Sự thay đổi trong thể chế, đồ tạo tác và tập quán của con người mang tính tiệm tiến, không thể lay chuyển và không thể tránh khỏi. Nó xảy ra như thể một câu chuyện, đi từ giai đoạn này sang giai đoạn tiếp theo; nó thường diễn biến chậm thay vì nhảy cóc; nó có động lực tự phát của riêng mình, thay vì được thúc đẩy từ bên ngoài; nó không vạch sẵn mục đích hay cái kết; và nó chủ yếu diễn ra do phép thử và sai – một phiên bản của chọn lọc tự nhiên. Hãy lấy ví dụ về đèn điện. Khi một kỹ sư không mấy tiếng tăm tên là Thomas Newcomen tìm ra phương pháp thực tế đầu tiên để tạo ra công năng từ nhiệt vào năm 1712, ông có thể không hề biết rằng

nguyên lý cơ bản đằng sau phát minh của mình – sự giãn nở của nước khi được đun sôi thành hơi – cuối cùng, sau vô số bước nhỏ, sẽ dẫn đến loại máy phát ra điện để cung cấp ánh sáng nhân tạo: từ nhiệt thành công, rồi thành ánh sáng. Sự thay đổi từ đèn sợi đốt sang đèn huỳnh quang và sang đèn LED vẫn đang tiếp tục diễn ra. Các chuỗi sự kiện này đã và đang mang tính tiến hóa.

Lập luận của tôi là, theo tất cả những cách trên, sự tiến hóa phổ biến và có ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với những gì mà hầu hết mọi người nhận ra. Nó không chỉ bị giới hạn trong những hệ gen, mà có thể giải thích cách thay đổi của hầu như toàn bộ nền văn hóa loài người: từ đạo đức đến công nghệ, từ tiền bạc đến tôn giáo. Con đường mà những dòng chảy của văn hóa nhân loại này đi theo có tính tiệm tiến, gia tăng, không bị định hướng, xuất hiện và được thúc đẩy nhờ sự chọn lọc tự nhiên giữa các ý tưởng cạnh tranh. Con người thường xuyên là nạn nhân, thay vì là thủ phạm, của sự thay đổi ngoài ý muốn. Và mặc dù không vạch sẵn mục tiêu, nhưng sự tiến hóa văn hóa vẫn tạo ra những giải pháp thiết thực và tài tình cho các vấn đề – điều mà các nhà sinh học gọi là sự thích nghi. Trong trường hợp về hình dạng và hành vi của các loài động thực vật, chúng ta thấy khó mà lý giải được tính chủ đích rõ ràng này mà không viện đến sự thiết kế có tính toán. Thật khó để tin rằng mắt không được thiết kế cho việc nhìn. Theo cách tương tự, khi thấy văn hóa loài người thích nghi tốt để giải quyết các vấn đề của con người, chúng ta có xu hướng cho rằng đó là kết quả thiết kế có chủ đích của một số người thông minh. Vậy nên ta có xu hướng ghi nhận quá nhiều công lao cho bất kỳ người thông minh nào xuất hiện vào đúng thời điểm.

Cách giảng dạy lịch sử loài người do đó có thể gây hiểu lầm, vì nó nhấn mạnh quá nhiều vào sự thiết kế, định hướng và lập kế hoạch, cũng như tập trung quá ít vào quá trình tiến hóa. Theo cách ấy, dường như tướng quân thắng trận; nhà chính trị điều hành quốc gia; nhà khoa học khám phá ra sự thật; nghệ sĩ sáng tạo thể loại nghệ thuật; nhà phát minh tạo ra đột phá; giáo viên định hình trí tuệ; triết gia thay

đổi tâm trí; linh mục giảng dạy đạo đức; doanh nhân lãnh đạo doanh nghiệp; kẻ mưu đồ gây ra khủng hoảng; thánh thần tạo ra đạo đức. Không chỉ các cá nhân, mà các tổ chức cũng vậy: Goldman Sachs, Đảng Cộng sản, Nhà thờ Công giáo, Al Qaeda – người ta nói rằng các tổ chức này định hình thế giới.

Tôi đã được dạy theo cách đó. Giờ đây tôi nghĩ rằng nó thường sai nhiều hơn đúng. Tất nhiên, các cá nhân có thể tạo ra sự khác biệt, và các đảng phái chính trị hoặc công ty lớn cũng vậy. Sự lãnh đạo vẫn quan trọng. Nhưng nếu có một hiểu lầm chủ yếu về thế giới, một sai lầm lớn mà chúng ta đều mắc phải, một điểm mù, thì đó là tất cả chúng ta cứ cho rằng thế giới là một nơi mang tính sắp đặt nhiều hơn so với thực tế. Kết quả là, chúng ta hết lần này đến lần khác nhậm lỗi nguyên nhân với kết quả; chúng ta bảo con thuyền buồm lướt đi là nhờ gió, hoặc ghi công người ngoài cuộc vì khởi xướng sự việc. Trận đánh thắng hẳn phải nhờ công của vị tướng (không phải do dịch sốt rét làm quân địch suy yếu); trẻ học được hẳn phải nhờ giáo viên dạy (không phải do sách vở, bạn bè và sự tò mò mà giáo viên đã giúp trẻ tìm thấy); một loài được cứu hẳn phải nhờ nhà bảo tồn (không phải do việc phát minh ra phân bón làm giảm diện tích đất cần thiết để nuôi sống dân số); phát minh được tạo ra hẳn phải nhờ nhà phát minh (không phải do sự chín muồi không thể lay chuyển, không thể tránh khỏi của nấc thang công nghệ tiếp theo); cuộc khủng hoảng xảy ra, vì vậy ta nhìn ra âm mưu (chứ không phải sai lầm). Chúng ta mô tả thế giới như thể con người và các tổ chức luôn chịu trách nhiệm, trong khi thường thì không phải vậy. Như Nassim Taleb đã nhận xét trong cuốn sách *Khả năng cải thiện nghịch cảnh* của mình, trong một thế giới phức tạp, chính khái niệm về “nguyên nhân” mới là thứ đáng nghi ngờ: “một lý do khác để bỏ qua những tờ báo liên tục tuôn đầy nguyên nhân của mọi chuyện”.

Taleb bác bỏ quyết liệt cái mà ông gọi một cách chế giễu là ảo ảnh Xô Viết-Harvard, điều được ông định nghĩa là việc thuyết giảng về loài chim đang bay và nghĩ rằng bài giảng đã tạo ra kỹ năng bay của chúng. Adam Smith cũng không kém phần thẳng thừng về cái mà ông gọi là

con người của hệ thống, kiểu người tưởng tượng rằng “anh ta có thể dễ dàng sắp đặt các thành viên của một xã hội lớn như thể đôi bàn tay sắp đặt quân cờ trên bàn cờ”, mà không cân nhắc rằng trên bàn cờ vĩ đại của xã hội loài người, những quân cờ tự có nước đi của riêng chúng.

Sử dụng một từ do Abraham Lincoln đặt ra, tôi hy vọng trong quá trình đọc cuốn sách này, bạn sẽ dần được “giải phóng” (disenthral) khỏi nỗi ám ảnh về chủ ý, sự thiết kế và việc lập kế hoạch của con người. Tôi muốn thực hiện với mọi khía cạnh của thế giới loài người một chút của điều mà Charles Darwin đã thực hiện với sinh học, và giúp bạn vượt qua ảo giác về ý đồ, để có thể thấy được quá trình thay đổi hiển lộ, không kế hoạch, không thể lay chuyển và đẹp đẽ nằm bên dưới.

Tôi thường nhận thấy rằng con người tệ đến bất ngờ trong việc giải thích thế giới của chính mình. Nếu một nhà nhân học từ hệ sao Alpha Centauri đến đây và đặt ra một vài câu hỏi sâu sắc, anh ta sẽ không nhận được những câu trả lời hay ho. Tại sao tỷ lệ giết người lại giảm trên toàn thế giới? Các nhà tội phạm học sẽ không thể cùng nhất trí. Tại sao thu nhập trung bình toàn cầu lại cao gấp 10 lần so với số liệu của thế kỷ 19? Các sử gia kinh tế sẽ bị chia rẽ. Tại sao một số người châu Phi bắt đầu phát minh ra kỹ thuật và nền văn minh mang tính tích lũy từ khoảng 200.000 năm trước? Các nhà nhân học không biết. Nền kinh tế thế giới hoạt động như thế nào? Các nhà kinh tế học vờ giải thích, nhưng họ không thể thực sự làm vậy một cách chi tiết.

Những hiện tượng kể trên thuộc về một phạm trù kỳ lạ, được định nghĩa lần đầu tiên vào năm 1767 nhờ một cha Tuyên úy quân đội Scotland tên là Adam Ferguson: chúng là kết quả từ hành động của con người, thay vì ý đồ của con người. Chúng là những hiện tượng *tiến hóa*, theo nghĩa gốc của từ này – chúng mở ra. Và những hiện tượng tiến hóa như vậy có ở khắp mọi nơi và trong mọi thứ. Tuy nhiên, chúng ta không nhận ra phạm trù này. Ngôn ngữ và suy nghĩ của chúng ta phân chia thế giới thành hai phạm trù – những thứ do con người thiết kế cũng như tạo ra, và những hiện tượng tự nhiên không có trật tự hoặc chức năng. Nhà kinh tế học Russ Roberts từng chỉ ra rằng chúng ta

không có từ nào để bao hàm những hiện tượng như đã kể trên. Chiếc ô giúp bạn khô ráo giữa cơn mưa rào là kết quả từ cả hành động lẫn ý đồ của con người, trong khi cơn mưa làm bạn ướt sũng khi quên ô không xuất phát từ thứ nào trong cả hai. Nhưng còn hệ thống cho phép một cửa hàng địa phương bán ô cho bạn, hay chính từ “ô”, hay phép lịch sự yêu cầu bạn nghiêng chiếc ô của mình sang một bên để người khác đi qua thì sao? Những điều này – thị trường, ngôn ngữ, phong tục – là do con người tạo ra. Nhưng không gì trong số chúng được con người chủ định thiết kế. Tất cả đều xuất hiện ngoài kế hoạch.

Chúng ta cũng áp dụng lối suy nghĩ này vào việc hiểu thế giới tự nhiên. Ta nhìn thấy thiết kế có chủ đích trong tự nhiên, thay vì sự xuất hiện của tiến hóa. Ta tìm kiếm sự phân bậc trong bộ gen, “cái tôi” trong não bộ và ý chí tự do trong tâm trí. Ta bám vào bất kỳ lý do nào để đổ lỗi một hiện tượng thời tiết khắc nghiệt cho sự can dự của con người – dù là thuật phù thủy hay sự nóng lên toàn cầu do con người gây ra.

Thế giới, ở một mức độ đáng chú ý, là nơi có tính tự tổ chức, tự thay đổi nhiều hơn so với những gì chúng ta muốn thừa nhận. Các mô hình xuất hiện, các xu hướng phát triển. Những đàn ngỗng bay thành hình chữ V trên bầu trời một cách không chủ đích, những con mối xây nên thánh đường của chúng mà không cần kiến trúc sư, những con ong tạo ra tổ hình lục giác mà không cần hướng dẫn, bộ não tự hình thành mà không cần người tạo tác, việc học tập có thể diễn ra mà không cần sự giảng dạy, những sự kiện chính trị được lịch sử định hình thay vì ngược lại. Bộ gen không có gen chủ nào, bộ não không có trung tâm chỉ huy nào, tiếng Anh không có người chỉ đạo nào, nền kinh tế không có giám đốc điều hành nào, xã hội không có vị tổng thống nào, thông luật không có vị chánh án nào, khí hậu không có núm điều khiển nào, và lịch sử không có vị đại tướng nào cả.

Trong xã hội, con người là nạn nhân và thậm chí là tác nhân trực tiếp gây ra thay đổi, nhưng thường thì nguyên nhân lại nằm ở nơi khác – chúng là những quyền lực hiển lộ, có tính tập thể và không thể lay chuyển. Quyền lực mạnh mẽ nhất trong số những quyền lực không

thể lay chuyển này là sự tiến hóa sinh học thông qua chính chọn lọc tự nhiên; nhưng cũng có những dạng thức khác, đơn giản hơn của sự thay đổi mang tính tiến hóa, không có kế hoạch. Thật vậy, mượn cách nói của nhà lý thuyết về đổi mới Richard Webb, học thuyết Darwin là “thuyết tiến hóa đặc biệt”; một thuyết tiến hóa tổng quát cũng tồn tại và nó áp dụng cho nhiều lĩnh vực thay vì chỉ sinh học. Nó áp dụng cho xã hội, tiền bạc, công nghệ, ngôn ngữ, luật pháp, văn hóa, âm nhạc, bạo lực, lịch sử, giáo dục, chính trị, Chúa Trời, đạo đức. Thuyết tiến hóa tổng quát nói rằng mọi thứ không bất biến; sự thay đổi của chúng là tiệm tiến nhưng không thể lay chuyển; chúng cho thấy “tiến trình cố hữu”; chúng cho thấy sự lưu truyền đi kèm với biến đổi; chúng cho thấy tính thử và sai; chúng cho thấy sự kiên định có chọn lọc. Và đầu vậy, con người nhìn nhận quá trình này như thể nó được chỉ đạo từ phía trên.

Hầu hết các trí thức ở cả cánh tả và cánh hữu, những người vẫn tin vào “chủ nghĩa sáng tạo”, tiếp tục không công nhận sự thật này. Nỗi ám ảnh đã khiến phe cánh hữu chống lại nhận thức sâu sắc của Charles Darwin – rằng sự phức tạp của tự nhiên không ngụ ý về một người thiết kế – cũng tương đồng với nỗi ám ảnh đã đưa phe cánh tả đến chỗ kháng cự cái nhìn thấu suốt của Adam Smith – rằng sự phức tạp của xã hội không ngụ ý về một nhà hoạch định. Trong những trang sách tiếp theo, tôi sẽ đối đầu với chủ nghĩa sáng tạo ở mọi hình thức của nó.

CHƯƠNG 1

Sự tiến hóa của vũ trụ

Hiểu rõ những nguyên lý trên, người sẽ tỏ
Rằng Tự Nhiên, không phục tùng gông xiềng mệnh lệnh,
hoàn toàn tự do
Mọi điều bà làm, đều tự thân vận động
Thần thánh vì thế, chẳng có lấy một vai trò...

Lucretius, *De Rerum Natura*,
Quyển 2, các dòng 1090 – 1093

“Móc trời” (skyhook) là một thiết bị tưởng tượng có tác dụng treo một vật thể trên bầu trời. Từ này bắt nguồn từ lời mỉa mai của một phi công lái máy bay trinh sát trong Thế Chiến I, đang bực dọc khi anh ta được yêu cầu giữ nguyên vị trí trong một giờ: “Cái cỗ máy này đâu có được trang bị móc trời”, anh ta đáp. Triết gia Daniel Dennett đã sử dụng móc trời để ẩn dụ cho lập luận rằng sự sống cho thấy bằng chứng về một nhà thiết kế thông minh. Ông đưa ra hình ảnh tương phản với móc trời là chiếc cần cẩu – thứ đầu tiên áp đặt giải pháp, lời giải thích hoặc kế hoạch lên thế giới từ trên xuống; thứ còn lại cho phép giải pháp, lời giải thích hoặc khuôn mẫu xuất hiện từ dưới lên, giống như cách hoạt động của chọn lọc tự nhiên.

Lịch sử tư tưởng phương Tây bị chi phối bởi những chiếc móc trời, bởi những phương tiện nhằm giải thích thế giới như thể nó là kết quả của ý đồ và việc lập kế hoạch. Plato nói rằng xã hội vận động bằng cách bắt chước một trật tự vũ trụ đã được thiết kế, ở đó niềm tin hẳn phải là thứ được áp đặt. Aristotle nói bạn nên tìm kiếm những

nguyên lý vốn có của tính chủ ý và sự phát triển – tức là linh hồn – bên trong vật chất. Homer nói thần thánh quyết định kết quả của các trận chiến. Thánh Paul nói bạn nên cư xử có đạo đức vì Jesus đã chỉ bảo bạn như vậy. Mohamed nói bạn nên tuân theo những lời của Chúa được truyền qua kinh Koran. Luther nói số phận của bạn nằm trong tay Chúa. Hobbes nói trật tự xã hội đến từ một vị vua, hay điều mà ông gọi là “Leviathan” – tức nhà nước. Kant nói rằng đạo đức vượt qua kinh nghiệm của con người. Nietzsche nói rằng nhà lãnh đạo mạnh mẽ tạo nên xã hội tốt đẹp. Marx cho rằng nhà nước là phương tiện mang lại tiến bộ về kinh tế và xã hội. Hết lần này đến lần khác, chúng ta tự nhủ rằng chi tiết về thế giới là thứ được áp đặt từ trên xuống, và chúng ta nên tuân theo mệnh lệnh từ trên cao.

Nhưng có một luồng tư tưởng khác đã cố gắng đột phá và thường thất bại. Có lẽ người đầu tiên trình bày tư tưởng này là Epicurus, một triết gia Hy Lạp mà chúng ta biết rất ít về ông. Từ những điều mà người đời sau viết về các tác phẩm của ông, ta biết rằng ông sinh vào năm 341 TCN và ông nghĩ (theo như những gì ta biết) rằng thế giới vật chất, thế giới sống, xã hội loài người và đạo đức mà chúng ta tuân theo đều xuất hiện một cách tự phát, không cần viện tới sự can thiệp của thần thánh, hay vị vua nhân từ, hay nhà nước bảo mẫu nào để giải thích. Theo cách lý giải của những người đi theo ông, Epicurus, tiếp nối một triết gia Hy Lạp khác là Democritus, tin rằng thế giới không bao gồm nhiều chất đặc biệt trong đó có linh hồn hay dịch thể, mà chỉ đơn giản có hai thứ: khoảng trống và nguyên tử. Epicurus nói rằng mọi thứ đều được tạo thành từ các nguyên tử nhỏ không thể nhìn thấy và không thể phá hủy, được ngăn cách bằng các khoảng trống; nguyên tử tuân theo quy luật tự nhiên và mọi hiện tượng đều là kết quả của những nguyên nhân tự nhiên. Đây là một kết luận đáng kinh ngạc đi trước thời đại vào thế kỷ 4 TCN.

Thật không may, các tác phẩm của Epicurus đã không thể tồn tại đến ngày nay. Nhưng 300 năm sau, những ý tưởng của ông đã được hồi sinh và khám phá trong một bài thơ dài, hùng hồn và còn dang dở,

De Rerum Natura (Về bản chất vạn vật), của nhà thơ La Mã Titus Lucretius Carus, người có lẽ đã qua đời khi đang ở giữa mạch sáng tác thơ vào khoảng năm 49 TCN, ngay khi nền chuyên chính đang dần thành hình ở Rome. Vào thời gian này, theo lời của Gustave Flaubert, “khi các vị thần không còn tồn tại và Jesus vẫn chưa xuất hiện, có một khoảnh khắc độc nhất trong lịch sử, giữa Cicero và Marcus Aurelius, khi con người đứng một mình”. Cách nói ấy có lẽ cường điệu, nhưng suy nghĩ tự do vào thời điểm đó ít nhất cũng khả thi hơn trước hoặc sau đó. Lucretius có tinh thần lật đổ, cởi mở và có tầm nhìn xa hơn cả hai chính trị gia kể trên (Cicero ngưỡng mộ ông nhưng không đồng ý với ông). Bài thơ của ông bác bỏ mọi thứ ma thuật, thuyết thần bí, sự mê tín, tôn giáo và thần thoại. Nó tuân theo chủ nghĩa kinh nghiệm thuần túy.

Như nhà sử học Stephen Greenblatt thuộc Đại học Harvard đã ghi chép lại, một danh sách chỉ thuần những đề xuất mà Lucretius đưa ra trong 7.400 câu thơ sáu âm tiết còn dang dở của *De Rerum Natura* có thể được dùng như một nghị trình cho sự hiện đại. Ông đã dự đoán vật lý hiện đại bằng cách lập luận rằng mọi thứ được tạo thành từ những sự kết hợp khác nhau của một tập hợp giới hạn các hạt không thể nhìn thấy, chuyển động trong một khoảng không. Ông đã nắm được ý tưởng hiện tại rằng vũ trụ không có đấng sáng tạo, sự bảo hộ của Thượng Đế là điều viển vông, và sự tồn tại không có cái kết hay mục đích, nó chỉ gồm sự sáng tạo và hủy diệt không ngừng, hoàn toàn do ngẫu nhiên chi phối. Ông báo trước về công trình của Darwin khi gợi ý rằng tự nhiên không ngừng thử nghiệm, và những sinh vật có khả năng thích nghi cũng như sinh sản sẽ phát triển mạnh. Ông cùng với các nhà triết học và sử học hiện đại đưa ra giả thuyết rằng vũ trụ không được tạo ra cho con người hay vì con người, rằng chúng ta không đặc biệt, rằng không có Thời đại Hoàng kim yên bình và sung túc trong quá khứ xa xôi, mà thay vào đó chỉ là cuộc chiến sinh tồn nguyên thủy. Ông giống với những người vô thần hiện đại khi lập luận rằng linh hồn chết đi, không có kiếp sau, mọi tôn giáo có tổ chức đều là mê tín dị đoan và luôn luôn tàn ác, và thiên thần, ác quỷ hay hồn ma không tồn

tại. Theo đạo đức của mình, ông cho rằng mục tiêu cao nhất của cuộc sống con người là gia tăng niềm vui và giảm thiểu đớn đau.

Phần lớn nhờ vào cuốn sách tuyệt vời *The Swerve* (Sự đổi hướng) của Greenblatt mà gần đây tôi mới được biết đến Lucretius, và nhận ra rằng tôi đồng quan điểm với Lucretius/Epicurus nhiều đến mức độ nào, thậm chí đã luôn như vậy dẫu tôi không nhận ra. Việc được đọc bài thơ của Lucretius qua bản dịch tuyệt vời của A. E. Stallings khi đã hơn 60 tuổi khiến tôi giận dữ với những người thầy của mình. Sao họ có thể khiến tôi lãng phí ngân quỹ năm ở trường để vất vả đọc những lời sáo rỗng nhàm chán và những bài ca tụng tẻ nhạt về Jesus hay Julius Caesar, trong khi thay vào đó họ có thể kể cho tôi về Lucretius, hoặc giảng đồng thời cả hai? Ngay cả Virgil cũng phần nào cảm bút để phản ứng với Lucretius, mong muốn xây dựng lại sự tôn kính với thánh thần, người cai trị, và các ý tưởng áp đặt từ trên xuống nói chung. Quan niệm của Lucretius về sự biến đổi không ngừng của những dạng thức được cấu thành từ những vật chất không thể phá hủy – điều mà nhà triết học gốc Tây Ban Nha George Santayana gọi là tư tưởng vĩ đại nhất mà nhân loại từng nghĩ đến – là một trong những chủ đề xuất hiện liên tục trong các bài viết của tôi. Đó là ý tưởng trung tâm đằng sau không chỉ vật lý và hóa học, mà cả sự tiến hóa, sinh thái học và kinh tế. Nếu những người Kitô giáo không đàn áp Lucretius, chắc chắn chúng ta đã khám phá ra học thuyết Darwin sớm hơn nhiều thế kỷ.

DỊ GIÁO LUCRETIUS

Phải nhờ đến những cơ hội mong manh nhất chúng ta mới biết đến bài thơ *De Rerum Natura*. Mặc dù bài thơ được những người đương thời nhắc đến và tôn vinh, và những mảnh vụn cháy xém của nó đã được tìm thấy trong Villa of the Papyri (“Dinh thự Giấy cói”, một thư viện có lẽ thuộc về cha vợ của Julius Caesar) tại Herculaneum, nhưng nó đã chìm vào lãng quên trong phần lớn lịch sử. Những trích dẫn thoáng qua từ tác phẩm này vào thế kỷ 9 cho thấy rằng các thầy tu có đọc bài thơ dẫu rất hiếm khi, nhưng cho đến năm 1417, không có bản sao nào

của nó được giới học giả lưu hành rộng rãi trong hơn một thiên niên kỷ. Dưới hình thức một văn bản, nó đã biến mất triệt để. Tại sao vậy?

Không khó để trả lời câu hỏi đó. Sự khinh thường đặc biệt mà Lucretius dành cho mọi hình thức mê tín dị đoan, và rõ là cả thuyết nguyên tử của ông, thứ mâu thuẫn với giáo lý về sự biến đổi bản thể, đã khiến ông không được biết đến khi những người theo Kitô giáo lên nắm quyền. Việc đề cao nguyên tắc khoái lạc của ông – rằng theo đuổi sự khoái lạc có thể dẫn đến điều tốt lành và nỗi đau không hề có điểm tốt – không phù hợp với nỗi ám ảnh thường xuyên của tín đồ Kitô giáo rằng khoái lạc là tội lỗi và đau khổ là đạo hạnh.¹

Trong khi Plato và Aristotle có thể phù hợp với Kitô giáo vì niềm tin của họ vào sự bất tử của linh hồn và bằng chứng về sự thiết kế, những người dị giáo tin vào Epicurus lại đe dọa Nhà thờ Kitô giáo đến mức Lucretius phải bị đàn áp. Chủ nghĩa vô thần của ông rất rõ ràng, thậm chí là theo kiểu Dawkins, trong tính trực diện của nó. Sử gia triết học Anthony Gottlieb đã so sánh một trích đoạn của Lucretius với một trích đoạn trong cuốn *Gen vị kỷ* của Richard Dawkins. Phần của Lucretius nói về “sự hình thành của các sinh vật sống” bằng “mọi loại kết hợp và chuyển động”; còn trích đoạn của Dawkins nói về cách mà “các nguyên tử hỗn loạn có thể tự nhóm lại thành các khuôn mẫu phức tạp hơn bao giờ hết, cho đến khi cuối cùng chúng tạo ra con người”. Lucretius, theo như John Dryden phê bình, đôi khi “quá nghiêng theo chủ nghĩa vô thần đến mức quên mất mình là một nhà thơ”. Ông nói về những người “bị đè bẹp dưới sức nặng của mê tín dị đoan”, tuyên bố rằng “chính tôn giáo sinh ra tội ác” và hướng đến mục tiêu cho chúng ta “sức mạnh để chiến đấu chống lại mê tín dị đoan và sự đe dọa từ các linh mục”. Chẳng có gì ngạc nhiên khi họ cố gắng vùi dập ông.

Họ gần như đã thành công. Thánh Jerome – người mong muốn chỉ rõ cái giá của tội lỗi – coi Lucretius là một kẻ mất trí, hóa điên vì tình dục rồi tự sát. Những lời vu khống này không hề có bằng chứng; các vị thánh thì không dẫn nguồn. Cáo buộc rằng tất cả những người tin vào Epicurus đều là người theo chủ nghĩa khoái lạc tai tiếng đã bị

thối phong và lan rộng ra nước ngoài, thậm chí vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Các bản sao của bài thơ đã bị xóa sổ trong các thư viện, điều tương tự cũng xảy ra với bất kỳ tác phẩm nào có hơi hướng Epicurus và thể hiện sự hoài nghi. Hầu như mọi dấu vết của tư tưởng duy vật và nhân văn ấy đã biến mất từ lâu ở châu Âu, cho đến năm 1417, khi một học giả người Florence và thư ký giáo hoàng mới mất việc tên là Gian Francesco Poggio Bracciolini tình cờ phát hiện một bản sao của toàn bộ bài thơ. Poggio đang tìm kiếm những bản thảo quý hiếm trong các thư viện ở miền Trung nước Đức thì tình cờ thấy một bản sao của *De Rerum Natura* trong thư viện của một tu viện (có lẽ ở Fulda). Ông đã gửi một phiên bản chép lại vội vàng cho một người bạn giàu có đam mê sách vở là Niccolò Niccoli, và bản sao của người này sau đó đã được sao lại hơn 50 lần nữa. Năm 1473, cuốn sách được in và dị giáo của Lucretius bắt đầu thâm nhập vào nhiều tâm trí ở khắp châu Âu.

CÚ ĐẤY CỦA NEWTON

Xét đến sự gắn bó mạnh mẽ với chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa nhân văn và tự do, Lucretius xứng đáng có một vị trí đặc biệt trong lịch sử tư tưởng phương Tây, thậm chí còn cao hơn cả vẻ đẹp trong thơ ca của ông. Thời kỳ Phục Hưng, cuộc cách mạng khoa học, thời kỳ Khai Sáng và Cách mạng Mỹ đều được truyền cảm hứng từ những người thẩm nhuần tư tưởng của Lucretius ở mức độ nào đó. Bức tranh *Sự ra đời của thần Vệ Nữ* của Botticelli đã mô tả rõ ràng cảnh mở đầu bài thơ của Lucretius. Giordano Bruno bước lên giàn hỏa thiêu, miệng bị bịt chặt hông dập tắt những lời dị giáo, vì ông đã trích lời Lucretius về sự tái kết hợp của các nguyên tử và nỗi kính sợ mà với nó, chúng ta nên tin rằng con người không phải là mục đích của vũ trụ. Thuyết nguyên tử chịu ảnh hưởng từ Lucretius, cũng như thuyết nhật tâm bắt nguồn từ Copernicus của Galileo, đã được dùng làm bằng chứng có tội để xét xử ông. Thật vậy, sử gia khoa học Catherine Wilson lập luận rằng toàn bộ chủ nghĩa kinh nghiệm của thế kỷ 17, do Pierre Gassendi khởi xướng để đối lập với Descartes, và được tiếp nhận bởi những nhà tư tưởng có ảnh hưởng nhất trong

thời đại ấy, bao gồm Thomas Hobbes, Robert Boyle, John Locke, Gottfried Leibniz và Bishop Berkeley, đã được thúc đẩy đáng kể nhờ việc Lucretius đột ngột trở nên phổ biến.

Khi những ý tưởng của Lucretius dần được thấm nhuần, các nhà vật lý là những người đầu tiên nhìn thấy chúng sẽ dẫn đến đâu. Isaac Newton trở nên quen thuộc với thuyết nguyên tử của Epicurus từ lúc đang là sinh viên tại Cambridge, khi ông đọc một cuốn sách của Walter Charleton trình bày cách giải thích của Gassendi về Lucretius. Sau đó ông có được một ấn bản tiếng Latin của chính tác phẩm *De Rerum Natura*, ấn bản này vẫn còn tồn tại trong thư viện của ông và cho thấy dấu hiệu được đọc đi đọc lại nhiều lần. Ông nhắc lại những ý tưởng của Lucretius về khoảng trống giữa các nguyên tử xuyên suốt trong các cuốn sách của mình, đặc biệt là cuốn *Opticks* (Quang học).

Newton hoàn toàn không phải là nhà tư tưởng hiện đại đầu tiên phủ nhận móc trời, nhưng ông là một trong những người giỏi nhất. Ông giải thích quỹ đạo của các hành tinh và hiện tượng quả táo rơi là do trọng lực, chứ không phải do Chúa. Khi làm vậy, ông đã loại bỏ việc cần đến sự can thiệp và giám sát thiêng liêng, vĩnh viễn từ một đấng sáng tạo phải làm việc quá độ. Lực hấp dẫn tự giữ Trái Đất quay quanh Mặt Trời mà không cần nhận mệnh lệnh nào. Đức Jehovah có thể đã đá quả bóng, nhưng bản thân quả bóng đã tự lăn xuống đồi.

Dẫu vậy, sự giải phóng của Newton lại bị hạn chế rõ rệt. Ông giậm dũ với bất kỳ ai hiểu kiến thức của mình thành Chúa có thể không nắm vai trò tối cao, chứ đừng nói đến việc hiểu thành Chúa không tồn tại. Ông khẳng định chắc chắn: “Hệ thống tinh tế bậc nhất gồm Mặt Trời, các hành tinh và sao chổi này không thể hình thành nếu không được một sự tồn tại thông minh, quyền năng thiết kế nên và thống trị”. Ông lập luận rằng, theo tính toán của ông, Hệ Mặt Trời cuối cùng sẽ trở nên hỗn loạn. Vì thực tế rõ ràng không như vậy, Chúa hẳn phải định kỳ can thiệp để đẩy các hành tinh trở lại quỹ đạo của chúng. Dù sao thì Đức Jehovah vẫn có công việc, chỉ có điều đó là công việc bán thời gian.

SỰ ĐỐI HƯỚNG

Chuyện là như vậy đấy. Móc trời vẫn tồn tại, chỉ là chúng ta không nhìn thấy thôi. Hết lần này đến lần khác, đây chính là khuôn mẫu của thời kỳ Khai Sáng: giành được một ít thắng lợi từ tay Chúa, nhưng sau đó khẳng khái rằng Ngài vẫn và sẽ luôn nắm quyền với hết thảy. Bất kể có bao nhiêu móc trời được phát hiện ra chỉ là ảo tưởng, cái móc tiếp theo sẽ luôn chứng tỏ rằng nó có thật. Thật vậy, thói quen đột nhiên nhìn thấy thiết kế có sẵn, sau tất thảy những nỗ lực nhằm chứng minh rằng sự hiển lộ là hợp lý hơn, đã quá phổ biến đến nỗi tôi phải mượn một cái tên cho hiện tượng này – sự đối hướng. Bản thân Lucretius là người đầu tiên đối hướng. Trong một thế giới gồm những nguyên tử với chuyển động có thể dự đoán trước, Lucretius (dưới ảnh hưởng của Democritus và Epicurus) đã không thể giải thích khả năng sở hữu ý chí tự do rõ rệt của con người. Để đưa ra được lời lý giải, ông tùy tiện gợi ý rằng các nguyên tử đôi khi phải chuyển hướng theo cách không thể lường được, bởi vì thần thánh khiến chúng làm như vậy. Sự mất can đảm này của nhà thơ kể từ đó đã được biết đến với cái tên sự đối hướng kiểu Lucretius, nhưng tôi muốn sử dụng cụm từ này theo cách khái quát hơn cho mỗi dịp tôi gặp phải một triết gia đối hướng để giải thích điều gì đó mà ông ta đang cố gắng hiểu, để rồi lại tùy ý đặt ra một cái móc trời. Hãy cẩn thận, những trang tiếp theo sẽ bao gồm rất nhiều sự đối hướng kiểu Lucretius.

Đối thủ của Newton, Gottfried Leibniz, trong chuyên luận về biện thần luận của mình vào năm 1710, đã thử đưa ra một kiểu chứng minh bằng toán học rằng Chúa tồn tại. Ông kết luận rằng việc cái ác rình rập thế giới là để phát huy những điểm tốt nhất ở con người. Chúa luôn tính toán cẩn thận cách để giảm thiểu cái ác, nếu cần thiết Ngài sẽ cho phép những thảm họa xảy ra khiến người xấu thiệt mạng nhiều hơn người tốt. Voltaire chế giễu cụm từ “chủ nghĩa lạc quan” (optimism) của Leibniz, cụm từ này khi ấy có nghĩa gần như trái ngược với nghĩa ngày nay: rằng thế giới là hoàn hảo và không thể thay đổi được (tối ưu – hay “optimal”), bởi vì Chúa đã tạo ra nó. Sau khi 60.000

người chết trong trận động đất ở Lisbon năm 1755, vào buổi sáng ngày Lễ Các Thánh khi nhà thờ đều chập kín người, các nhà thần học đã theo bước Leibniz bằng cách đưa ra lời giải thích hữu ích rằng người dân Lisbon phải chịu hình phạt do tội lỗi của họ. Điều này vượt quá sức chịu đựng của Voltaire, người đã hỏi một cách mỉa mai trong một bài thơ: “Chẳng lẽ ở Lisbon đang suy sụp có nhiều thói xấu hơn/Ở Paris, nơi niềm vui và khoái lạc ngập tràn?”

Một người Pháp chịu ảnh hưởng của Newton là Pierre-Louis Maupertuis đã đến vùng Lapland của Thụy Điển để chứng minh rằng bề mặt Trái Đất ít cong hơn về phía hai cực, như cơ học Newton đã tiên đoán. Sau đó ông đi xa hơn Newton bằng cách bác bỏ những lập luận khác về sự tồn tại của Chúa dựa trên những điều kỳ diệu của thiên nhiên, hoặc tính quy luật của Hệ Mặt Trời. Nhưng khi đã tiến xa đến thế, ông lại đột nhiên dừng lại (sự đổi hướng kiểu Lucretius), kết luận rằng nguyên tắc “hành động tối thiểu” của chính ông nhằm giải thích chuyển động đã thể hiện khía cạnh thông thái của tự nhiên, nên hẳn phải là sản phẩm của một đấng sáng tạo thông thái. Hoặc, diễn giải lại lời Maupertuis, nếu Chúa cũng thông minh như tôi, Ngài nhất định tồn tại. Một sự phi logic rõ ràng rành.

Voltaire, có lẽ tức giận vì người tình có năng khiếu toán học của mình là Émilie, Hầu tước phu nhân du Châtelet, đã ngủ với Maupertuis và viết những lời bênh vực Leibniz, sau này đã xây dựng nhân vật Tiến sĩ Pangloss trong tiểu thuyết *Candide*, *Chàng ngây thơ* của ông như một sự kết hợp giữa Leibniz và Maupertuis. Pangloss vẫn vui vẻ tin tưởng – và thuyết phục Candide ngây thơ – rằng thế giới hiện tại là nơi tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể xảy ra, ngay cả khi hai người cùng mắc bệnh giang mai, trải qua tai nạn đắm tàu, động đất, hỏa hoạn, làm nô lệ và bị treo cổ. Sự khinh miệt của Voltaire đối với biện thần luận có nguồn gốc trực tiếp và rõ rệt từ Lucretius, chủ nhân của những lập luận mà ông đã mượn suốt cuộc đời, và có thời điểm ông tự coi mình là “Lucretius của đời sau”.